TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2021/DS-ST
Ngày 22-02-2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông **Chung Quốc Hội**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Tấn Đấu**

2. Ông **Ngô Rạng Đông**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Toàn -** Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên toà: Ông **Hoàng Văn Thái** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019, về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST – DS ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Thế S**, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: L22 đường số A, khu vực B, phường C, quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Bà **Lương Thị Tuyết Th**, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

Hiện đang sinh sống: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/8/2019 và tại phiên tòa, ông Nguyễn Thế S trình bày:

Do trước đây có mối quan hệ làm ăn và quen biết với bà Th, ông Tr nên vào năm 2016 ông S có hứa hẹn cho bà Th, ông Tr vay số tiền 100.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh quần Shop quần áo tại đường A, khu phố B, thị trấn C, huyện Phú Quốc (nay là phường C, Tp. Phú Quốc), thời hạn cho vay là 01 tháng, không có làm biên nhận, hai bên thỏa thuận miệng nếu sau 01 tháng trả khoản tiền trên thì ông không tính lãi nhưng nếu sau 01 tháng không trả thì phải tính lãi theo quy định pháp luật. Sau khi ông về lại Cần Thơ, do thiếu tiền trong việc xây dựng nhà nên ngày 29/8/2016 ông S chuyển cho bà Thủy số tiền 50.000.000 đồng vào số tài khoản tại Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương tín (Sacombank) do bà Th đứng tên. Sau 01 tháng, kể từ ngày 29/8/2016 không thấy bà Th, ông Tr trả số tiền trên nên ông có nhiều lần đến gặp trực tiếp để đòi tiền nhưng bà Th, ông Tr nói là chưa có tiền trả, kêu ông đợi thêm thời gian nhưng đến nay vẫn chưa trả tiền cho ông.

Ông Nguyễn Thế S yêu cầu: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th, ông Tr trả cho ông số tiền vay gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do nước nước quy định 0,75%/tháng từ ngày 29/9/2019 đến ngày xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2020, bà Th, ông Tr trình bày:

Bà Th, ông Tr xác nhận còn nợ ông Song số tiền vay 50.000.000 đồng, tuy nhiên bà Th, ông Tru xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ. Bà Th, ông Tr cho rằng ông S chủ động nói với bà Th có cần tiền xài không thì ông S cho mượn, khi đó ông S chuyển cho bà Th số tiền 50.000.000 đồng để bà mở rộng việc kinh doanh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và thu thập đầy đủ chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án.

Thẩm phán đã vi phạm các thủ tục như sau: Ngày 04/10/2019, nguyên đơn nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí nhưng đến ngày 05/11/2019 mới ra Thông báo thụ lý vụ án là vi phạm khoản 3 Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự và từ khi thụ lý vụ án ngày 05/11/2019 đến ngày 13/01/2021 mới ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã vi phạm Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên vi phạm này không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án cần rút kinh nghiệm đối với các vụ án tiếp theo.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Thủy, ông Trung có đơn xin vắng mặt nên cần chấp nhận xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Th, ông Tr phải trả cho ông Song số tiền vay gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 29/9/2016 đến nay theo mức lãi suất 0,75%/tháng đến nay là 19.787.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn Tr, bà Lương Thị Tuyết Th có đơn xin giải quyết vắng mặt vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn Tr, bà Lương Thị Tuyết Th.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về quan điểm của Viện kiểm sát:

Việc Thẩm phán đã vi phạm thời hạn thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán sẽ rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế S:*

Tại phiên tòa, ông S yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc vợ chồng ông Tr, bà Th phải trả lại số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 29/9/2016 (đã trừ 01 tháng vay) đến ngày xét xử theo mức lãi suất 0,75%/tháng.

Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ông S là có cơ sở chấp nhận.

Bởi vì, căn cứ theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 29/8/2016 thể hiện ông S chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản của bà Th. Tại biên bản lấy lời khai

ngày 12/11/2020, ông Tr, bà Th cũng thừa nhận có nợ ông S số tiền 50.000.000 đồng để mở rộng kinh doanh, Hội đồng xét xử thấy rằng lời trình bày của ông S với bà Th, ông Tr là phù hợp nên cần xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S buộc bà Th, ông Tr cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông S số tiền vay gốc 50.000.000 đồng.

Bà Thủy, ông Tr có yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ và yêu cầu này không được ông S chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[5] Xét yêu cầu tính lãi:

Tại phiên tòa, ông S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th, ông Tr phải trả lãi suất từ ngày 29/9/2016 với mức lãi suất 0,75%/tháng, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của ông S là có cơ sở chấp nhận. Do bà Th, ông Tr vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu lãi phát sinh theo quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Như vậy, thời hạn vay 01 tháng được tính từ ngày 29/8/2016 đến ngày 28/9/2016, lãi suất phát sinh được tính từ ngày 29/9/2016 được tính như sau: 50.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 52 tháng 23 ngày (từ ngày 29/9/2016 đến 22/02/2021) = 19.787.500 đồng.

Như vậy, bà Th, ông Tr cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông S số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền lãi 19.787.500 đồng, tổng cộng 69.787.500 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Th, ông Tr phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả lại cho ông S số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế S buộc bà Lương Thị Tuyết Th, ông Nguyễn Văn Tr cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông S số

tiền 69.787.500 đồng (Sáu mươi chín triệu bảy trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lương Thị Tuyết Th, ông Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch 3.489.375 đồng (Ba triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn bay trăm bảy mươi lăm đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thế S số tiền án phí đã nộp 1.623.500 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0006773 ngày 04/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Phú Quốc;
- Chi cục THADS Tp. Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Chung Quốc Hội